

# TÌM KIẾM GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM TRONG THỜI KÌ HỘI NHẬP

GS.TSKH. THÁI DUY TUYẾN

Từ khi Cách mạng Tháng Tám (1945) thành công, chúng ta đã xây dựng một nền giáo dục đại học (GDĐH) Việt Nam hoàn toàn mới. Với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, hơn nửa thế kỉ qua, nền GDĐH Việt Nam đã phát triển vượt bậc. Đến nay, chúng ta đã có một hệ thống gồm 426 trường đại học và cao đẳng, đào tạo nhiều ngành nghề từ trung cấp đến cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ.

Tuy nhiên, chất lượng đào tạo còn nhiều yếu kém, chưa có trường đại học nào của Việt Nam được xếp vào tốp những trường đại học thuộc loại tốt của thế giới và khu vực.

Để đưa nền GDĐH Việt Nam thoát khỏi tình trạng tụt hậu, kém phát triển, cần lấy *biện pháp "quản lí" làm khâu then chốt*. Nhưng để đề xuất được những biện pháp quản lí hữu hiệu các trường đại học Việt Nam trong thời kì hội nhập cần giải quyết vấn đề theo 2 bước: Hình dung được *mô hình trường đại học Việt Nam trong thời kì hội nhập*; Đề xuất *hệ thống biện pháp quản lí mô hình đó*.

## I. Mô hình trường đại học Việt Nam thời kì hội nhập

**1. Trường ĐHVN được xây dựng ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, trên cơ sở cải tạo trường Đại học Đông Dương của Pháp được xây dựng từ trước năm 1945.** Sau hơn nửa thế kỉ phát triển và trường thành, hiện nay Việt Nam đã có một hệ thống gồm 231 trường đại học và 195 trường cao đẳng, đã tích cực phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội. Đến nay, sau nhiều lần cải tiến, mô hình đại học Việt Nam, về cơ bản, vẫn là *một mô hình đại học thời bao cấp*, như mô hình đại học Liên Xô và các nước XHCN trước đây, nhưng lại chấp vá, không thỏa mãn nhu cầu xã hội trong điều kiện đổi mới, hội nhập.

### 2. Nhược điểm cơ bản của đại học Việt Nam hiện nay

- Chất lượng đào tạo thấp, không đảm bảo cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội.

- *Bồi dưỡng nhân tài*, "nguyên khí của quốc gia", là một trong những sứ mệnh quan trọng nhất của GDĐH hầu như chưa được coi trọng đúng mức. Chưa có các trung tâm nghiên cứu mạnh, chưa có chính sách thích hợp nên không bồi dưỡng và sử dụng được nhân tài, hiện tượng chảy máu chất xám đã diễn ra trong nhiều năm mà chưa có biện pháp ngăn chặn.

- *Về triết lí giáo dục*, Bác Hồ và Đảng đã chỉ ra rằng: đào tạo con người phát triển toàn diện, "*vừa Hồng vừa Chuyên*"; phát triển ở các em tính tự lực, tự cường, tinh thần độc lập, tự chủ, năng động, sáng tạo. Chủ trương như vậy là rất đúng nhưng trong thực tế thì thấy đọc, trò ghi, học theo sách của thầy, nặng lí thuyết nhẹ thực hành, ít chú ý đến *tự học*, có người gọi sinh viên đại học là học sinh cấp 4; ít chú ý phát triển tư duy độc lập, sáng tạo của người học.

- *Về kiểm tra, đánh giá*: Trong một thời gian dài không có cơ quan chuyên trách kiểm định chất lượng, các trường đại học không được xếp loại nên không tạo được sự cạnh tranh lành mạnh, tước đoạt động lực của sự phát triển. Ở trường đại học chỉ có hai kì thi chính, đó là thi tuyển đầu vào và thi tốt nghiệp, nhưng thi tuyển đầu vào là chính. Đổ vào đại học thì bằng tốt nghiệp xem như đã nắm chắc trong tay, suốt quá trình học đại học hầu như không có hiện tượng thải loại. Tất cả những điều đó đã tước đoạt động lực lành mạnh của sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của sinh viên để tự phát triển.

- Cơ chế quản lí còn *bao cấp, ôm đồm; quyền tự chủ* và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục chưa được quy định đầy đủ, sát thực, chưa tạo ra động lực mạnh để phát huy năng lực sáng tạo của các cơ sở giáo dục<sup>(1) (2)</sup>

## II. Hình dung một mô hình GDĐH Việt Nam thời hội nhập

**1. Về mục đích, mục tiêu:** Có hai loại, mục đích nhân cách và mục đích hệ thống.

- *Về mục đích nhân cách*: Đào tạo những người có văn hóa, tiếp thu bản sắc văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, phát triển toàn diện, vừa có đức vừa có tài. Có đức nghĩa là có lòng yêu nước, yêu nhân dân và có tinh thần phục vụ nhân dân; có tinh thần đoàn kết hợp tác; có lòng nhân ái, khoan dung, cần kiệm, giản dị, khiêm tốn, trung thực, yêu khoa học, yêu tự do, bình đẳng, có tinh thần lạc quan, yêu đời... Có tài nghĩa là nắm vững hệ thống tri thức cơ bản và chuyên môn, hệ thống kĩ năng nghề nghiệp và biết vận dụng chúng để giải quyết các vấn đề thực tiễn; có tư duy độc lập và sáng tạo, biết tự học và nghiên cứu khoa học.

- *Về mục đích hệ thống*: Nâng cao dân trí, Đào tạo nguồn nhân lực, Bồi dưỡng nhân tài. Ông cha ta đã nói nhân tài là nguyên khí của quốc gia nhưng việc bồi dưỡng và sử dụng nhân tài hiện nay ở các trường đại học còn nhiều yếu kém.

**2. Về nội dung:** Người học phải được cung cấp những kiến thức cơ bản, chuyên môn và kĩ năng nghề nghiệp một cách cơ bản, sâu sắc và có hệ thống, phải có trình độ ngoại ngữ rất tốt, phải biết sử dụng thành thạo các phương tiện thông tin hiện đại.

**3. Về phương pháp:** Người học phải được trang bị phương pháp về kĩ năng tự học, nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học, có tư duy tích cực, độc lập, sáng tạo, khuyến khích phát triển tài năng, những

<sup>1</sup> Chiến lược phát triển Giáo dục (2011 - 2020), Hà Nội, 2012, tr 4

<sup>2</sup> Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị về đổi mới quản lí GDĐH giai đoạn 2010 - 2012, Hà Nội, 2010, tr 1.



nét độc đáo, những cá tính lành mạnh trong từng con người.

**4. Về hình thức:** Tăng cường hình thức tự học và nghiên cứu khoa học, trao đổi thảo luận - Day học theo hệ thống tín chỉ. Tăng cường đào tạo từ xa.

**5. Về kiểm tra - Đánh giá:** Tổ chức kiểm tra, đánh giá và thải loại suốt quá trình dạy học - giáo dục và dựa vào tổ chức chuyên môn (cơ quan *kiểm định chất lượng* để đánh giá kết quả, chứ không phải theo *kết quả lên lớp, tốt nghiệp*) để đánh giá chất lượng. Lấy *chuẩn quốc tế* làm cơ sở để đánh giá chất lượng đào tạo.

**6. Về hệ thống giáo dục đại học:** Trước mắt, nên xây dựng một vài cơ sở đại học đạt chuẩn quốc tế làm mẫu để các trường khác phấn đấu. Vì cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn nên về quy mô các cơ sở đại học này không cần lớn, nhưng phải đảm bảo chất lượng.

Trong điều kiện toàn cầu hóa, để có thể hội nhập với đại học thế giới, GDĐH Việt Nam cũng phải có mô hình gần giống với các nước khác ở Châu Âu, Mĩ. Về cơ cấu, GDĐH Châu Âu đào tạo đại học 3 trình độ: cử nhân 3 năm, thạc sĩ 2 năm, tiến sĩ 3 năm.

Hiện nay, GDĐH của ta theo mô hình: cử nhân 4 năm, thạc sĩ 2 năm, tiến sĩ 3 năm, theo tôi là hợp lí, vì giáo dục phổ thông của ta chưa chuẩn bị tốt cho học sinh vào đại học.

### III. Quản lí GDĐH Việt Nam thời kì hội nhập

Để đổi mới công tác quản lí GDĐH Việt Nam cần chú ý tới những vấn đề quan trọng sau: Quản lí hoạt động tự học; Phát triển năng lực sáng tạo và công tác nghiên cứu khoa học; Quyền bình đẳng về cơ hội học tập; Đại học cho số đông; Chú ý đến việc bồi dưỡng và sử dụng nhân tài; Phát triển giáo dục từ xa, tổ chức xã hội học tập; Tăng cường dạy ngoại ngữ và công nghệ thông tin; Trường tư thục và trường có vốn đầu tư nước ngoài; Quyền tự chủ đào tạo; Đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng; Quan tâm đến đời sống giáo viên.

Trong số vấn đề nói trên thì có một số vấn đề quan trọng đặc biệt cần tập trung giải quyết, đó là:

#### 1. Quyền tự chủ đào tạo

Mỗi trường đại học là một *trung tâm trí tuệ* và có thể mạnh riêng. Khi đại học có *quyền tự chủ* thì họ sẽ phát huy được năng lực sáng tạo của tập thể để xây dựng trường lớn mạnh. *Đây chính là sự giải phóng sức lao động, giải phóng tiềm năng con người, là khoán 10* trong GDĐH, là *động lực chủ yếu* để thay đổi chất lượng GDĐH. Mỗi trường đại học phải có văn bằng riêng và chịu trách nhiệm trước xã hội về chất lượng đào tạo. Phải tổ chức kiểm định chất lượng, kiểm tra công khai và xếp loại các trường. Như vậy, các trường phải tiến hành một cuộc cạnh tranh lành mạnh, nỗ lực phấn đấu để nâng cao uy tín của trường mình vì sự tồn tại và phát triển. Đây là một trong những biện pháp quan trọng nhất để nâng cao chất lượng GDĐH trong thời gian tới.

*Quyền tự chủ* đào tạo của GDĐH đã được đề ra trong Nghị quyết Trung ương 4, khóa VII, năm 1993.

Trong luật GDĐH được Quốc hội thông qua ngày

18/6/2012 đã cụ thể hóa những quyền đó trong chương III "*Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở GDĐH*" như:

- Quyền xây dựng chiến lược, kế hoạch;
- Quyền triển khai hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, đảm bảo chất lượng GDĐH;
- Quyền huy động, quản lí, sử dụng các nguồn lực;
- Có quyền chủ động cao trong các hoạt động về đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ, tài chính, quan hệ quốc tế, tổ chức bộ máy...

Như vậy, GDĐH Việt Nam có quyền tự chủ cao và nhiều mặt.

#### 2. Vấn đề bồi dưỡng và sử dụng nhân tài

Mọi người đều thừa nhận vai trò của *nhân tài* đối với sự phát triển của đất nước, của dân tộc và bồi dưỡng nhân tài là *một trong những sứ mệnh quan trọng nhất* của GDĐH. Nhưng trong thực tế thì việc *bồi dưỡng nhân tài* hình như chỉ dừng lại ở giáo dục phổ thông qua hệ thống trường chuyên, lớp chọn để bồi dưỡng học sinh giỏi đi thi quốc gia và quốc tế. Những em đạt các giải cao trong các kì thi quốc tế đều được *gửi đi học nước ngoài*. Phần lớn những *hạt giống vàng* này sau khi thành đạt đã ở lại làm việc ở nước ngoài, số trở về là rất ít. Gần đây, một số trường đại học có mở các lớp kĩ sư tài năng. Những em này nếu có học bổng nước ngoài cũng xuất ngoại ngay. Hiện tượng này được gọi là *"chảy máu chất xám"*. Như vậy, GDĐH Việt Nam thời gian qua đã có một thiếu sót rất lớn trong việc bồi dưỡng và sử dụng nhân tài, một sứ mệnh quan trọng đặc biệt và có tính đặc thù mà Đảng và nhân dân giao cho. Vì tìm kiếm biện pháp để giải quyết vấn đề "nhân tài" là điều quan trọng và rất khó, nên phải có sự quan tâm và ưu tiên đặc biệt của Đảng, Nhà nước và phải xem đây là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân.

#### 3. Đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng

Đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng là một hiện tượng mới đối với GDĐH nước ta, có mục đích xác nhận mức độ đáp ứng mục tiêu của các cơ sở GDĐH trong từng giai đoạn nhất định, trên cơ sở đó giải trình với các cơ quan quản lí và xã hội về thực trạng chất lượng đào tạo. Đó cũng là cơ sở để người học lựa chọn cơ sở GDĐH và nhà tuyển dụng lựa chọn nhân lực lao động.

Công tác kiểm định chất lượng GDĐH phải bảo đảm các nguyên tắc: *Độc lập, khách quan, đúng pháp luật; Trung thực, công khai, minh bạch; Bình đẳng, bắt buộc, định kì*. Kết quả kiểm định chất lượng GDĐH được dùng làm căn cứ để đánh giá chất lượng GDĐH, vị thế và uy tín của các trường đại học và cao đẳng, vì thế có ý nghĩa xã hội rất quan trọng.

#### 4. Quan tâm đến đời sống giảng viên

Theo số liệu điều tra, khảo sát của đề tài khoa học Công nghệ cấp Nhà nước "*Nghiên cứu để xuất các giải pháp cải cách công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông*" (mã số 01/2010) do Bà Nguyễn Thị Bình (nguyên Phó Chủ tịch nước, hiện là Chủ tịch Quỹ Hòa bình và Phát triển Việt Nam làm chủ nhiệm), thì lương giáo viên THPT sau 13 năm công tác từ 3 triệu đồng đến 3,5 triệu

đồng/tháng; sau 25 năm từ 4,1 triệu đồng đến 4,7 triệu đồng/tháng. Giáo viên mới ra trường ở cả ba cấp học trên dưới 2 triệu đồng/tháng. Với mức lương như thế, rõ ràng không đảm bảo nhu cầu cơ bản về đời sống của giáo viên và gia đình họ, nhất là ở các vùng đô thị. Có lẽ đó là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm cho số học sinh thi vào các trường sư phạm ngày càng ít. Ví dụ: Trường THPT Trung Vương (TP. Hồ Chí Minh) năm 2010 có 1600 hồ sơ thi đại học thì chỉ có 17 hồ sơ nộp vào trường ĐHSP TPHCM; trường THPT Mari Curie (TPHCM) có 2400 hồ sơ thì chỉ có 40 hồ sơ vào ngành Sư phạm.

Thống kê hơn 20.000 hồ sơ đăng kí dự thi gửi về cơ quan đại diện Bộ GD - ĐT tại TPHCM năm 2010 cũng cho thấy hồ sơ vào nhóm ngành Sư phạm chỉ chiếm 5%, đứng cuối cùng trong các ngành nghề. Tình hình trên đây cũng có nghĩa học sinh giỏi không vào ngành Sư phạm, như vậy thì làm sao có được đội ngũ thầy giáo giỏi? Đây là vấn đề hết sức nghiêm trọng, vì nó liên quan trực tiếp đến chất lượng đào tạo con người.

Đây là vấn đề rất to lớn và quan trọng và nó nằm ngoài tầm giải quyết của ngành Giáo dục. Vì vậy, cần có sự tham gia của toàn xã hội.

Ông cha ta đã nhiều lần nói về tầm quan trọng của giáo dục (phi trí bất lương), về vai trò của các bậc hiền tài đối với sự hưng suy của đất nước. Đảng ta cũng đã khẳng định: "Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục là quốc sách hàng đầu". Tuy nhiên, từ lời nói đến việc làm và kết quả là cả một quãng đường dài. Phải quyết tâm hành động, phát huy hết sức mạnh trí tuệ, tâm hồn và ý chí của toàn Đảng, toàn dân và phấn đấu theo một chiến lược đúng đắn trong một thời gian dài mới mong có một

đội ngũ cán bộ khoa học đông đảo, đa dạng và cân đối, có tâm huyết và có trình độ chuyên môn cao, góp phần tích cực vào việc xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh như Bác Hồ mong đợi.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Giáo dục Đại học, Quốc hội, Luật số: 08/2012/QH13, thông qua ngày 18/6/2012.
2. Nghị quyết "Về việc thực hiện chính sách, pháp luật về thành lập trường, đầu tư và bảo đảm chất lượng đào tạo đối với giáo dục Đại học", Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 19/6/2010.
3. Nguyễn Thị Bình (chủ nhiệm), Các giải pháp cải cách công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông, Kỷ yếu Hội thảo đề tài CNKH cấp Nhà nước "Nghiên cứu đề xuất các giải pháp cải cách công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông" Mã số 01/2010, Hà Nội, 7/2012.

### SUMMARY

*Touching upon the issue of renovation of Vietnam's higher education management in the period of integration, the author has presented the following elements: the Vietnamese university model in the period of integration and some measures suggested for administration of such a model, including: autonomy in training; nourishment and deployment of talented people; quality assurance and accreditation; living conditions of lecturers. According to the author, in order to bring Vietnam out of the backward and less developed situation, it is necessary to take "governance" as essential.*

## MINH TRIẾT VIỆT VỀ GIÁO DỤC... (Tiếp theo trang 4)

Nền giáo dục hiện nay trước việc phải thực hiện cả hai nhiệm vụ: Tăng trưởng kinh tế & Chấn hưng văn hóa lại bị nhúng vào một bối cảnh "Thế giới ngày càng phẳng về kĩ thuật, nhưng rạn nứt về văn hóa" nên vừa có những điểm sáng, song còn không ít các mảng tối. "HĐ" đang chậm bước so với "TN".

Chúng ta không quá lạc quan chỉ biết tụng ca lại các thông điệp, song cũng không quá bi quan trước một số hiện tượng có lúc làm tê tái lòng người có lương tâm, lương tri.

Theo sức mạnh văn hiến của dân tộc mà giáo dục là nền tảng đã bồi đắp nên, chúng ta có quyền hi vọng giáo dục sẽ vượt qua các ngổn ngang dở dang để tiếp tục thực hiện có kết quả các ý tưởng đã kiến tạo được.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010.
2. Phạm Văn đồng, Về giáo dục và đào tạo, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1988.

3. Hoàng Ngọc Hiến, Minh triết và minh triết Việt, NXB Tri thức, Hà Nội, 2011.

4. Phạm Minh Hạc, Triết lí giáo dục thế giới và Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2011.

### SUMMARY

*Deriving from a tremendous treasure of folk songs and proverbs of the nation as well as speeches by exceptional culturalists and politicians of the country, the author has successfully brought together excellent messages in the field of education. There are messages in cultural communication, in which we grasp ideas from the entire mankind and other nations and adjust them appropriately in our country context. There are others which carry Vietnamese hallmarks, demonstrating the viewpoints of humanistic lifestyles and practices throughout the history of national construction and defense. All the messages in this regard communicated by Vietnamese people are all geared toward advising young generations to skillfully improve and behave themselves.*